

TỪ “TẬP SAN QUẢN LÝ VĂN VẬT” ĐẾN “TẠP CHÍ DI SẢN VĂN HOÁ”

PHAN KHANH *

1- Nhân kỷ niệm 57 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 65 ngày 23/11/1945 “Bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam”, Tạp chí “Di sản văn hoá” ra đời, sau khi đã có “Luật Di sản văn hoá” là một sự phát triển về chất trong sự nghiệp bảo vệ, phát huy di sản văn hoá dân tộc. Nhiều năm nay các đồng nghiệp trên cả nước thiết tha mong đợi ngành bảo tồn bảo tàng có một tạp chí chuyên môn để trao đổi những vấn đề lý luận, thực tiễn bảo tàng học nước nhà. Sự mong đợi đó đã được đáp ứng.

Các anh ở Ban biên tập Tạp chí Di sản văn hoá bảo chúng tôi viết một bài với ý là “Từ Tập san Quản lý văn vật đến Tạp chí Di sản văn hoá”. Vì chúng tôi có may mắn được tham gia xây dựng Tập san Quản lý văn vật, do đồng chí Đặng Xuân Thiều, Vụ trưởng Vụ Bảo tồn Bảo tàng đề xướng, chỉ đạo từ ban đầu. Chúng tôi cứ nghĩ mãi về cách tiếp cận sao cho có ích cho các bạn trẻ trong ngành Bảo tồn Bảo tàng. Ai cũng mừng, từ Tập san Quản lý văn vật đến Tạp chí Di sản văn hoá là một bước tiến đáng ghi nhận của sự nghiệp bảo tồn bảo tàng nước ta. Nhưng nói về sự khởi đầu của Tập san Quản lý văn vật thì có gì có ích cho ngày nay. Phải xin nói ngay rằng, ngành bảo tồn bảo tàng nước ta từ buổi đầu thành lập đã có một vị thủ trưởng - Vụ trưởng có tâm và có tầm là đồng chí Đặng Xuân Thiều. Xuất thân từ gia đình nho học, khoa bảng, đồng chí

Đặng Xuân Thiều giỏi chữ Hán và tiếng Pháp, là một nhà thơ, đi “vô sản hoá” ở Hải Phòng, Hòn Gai... và trở thành cán bộ cách mạng. Sau 1954 đồng chí Thiều có dạy triết học ở trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thời bấy giờ. Thế hệ có công đầu với sự nghiệp bảo tồn bảo tàng nước ta sau 1954 còn phải nói đến các đồng chí Hoàng Minh Giám (Bộ trưởng Bộ Văn hoá), Đào Duy Kỳ (Chủ tịch Hội đồng khoa học Bảo tàng Cách mạng Việt Nam), Trần Đức Giєм (Trưởng phòng Bảo tồn), Hoàng Hưng, Đậu Văn Chu (Trưởng, Phó phòng Bảo tàng), Trần Huy Bá (chuyên gia về di tích), Phùng Bảo Khuê (chuyên gia về cổ vật), Nguyễn Văn Kính (chuyên gia về khảo cổ) v.v... Đó là những cán bộ khoa học có trình độ nghiên cứu uyên bác về di tích, cổ vật Việt Nam. Cũng phải nói đến công lao của các Vụ trưởng tiếp nối là Nguyễn Trọng Luật, Vũ Kiên, Trần Liên... và các đồng chí Đỗ Thọ Việp, Ngô Vi Luật, Trần Kháng, v.v... Lớp trẻ chúng tôi vào ngành bảo tồn bảo tàng năm 1959 lúc đó là nhân viên, là học trò vừa học nghề vừa giúp việc cho Ban biên tập Tập san Quản lý văn vật, dưới sự chỉ bảo thân thiết, tận tình của các bác, các bậc đàn anh.

Sắc lệnh số 65 ngày 23-11-1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Về bảo tồn cổ tích trên toàn cõi Việt Nam” đã tạo những điều kiện cơ bản về pháp lý để hình thành

* PGS. TS. Nguyễn Vụ trưởng Vụ Đào tạo Bộ Văn hóa Thông tin

ngành bảo tồn bảo tàng nước ta. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại năm 1954, ngày 10-10-1954, thủ đô Hà Nội được giải phóng, ngày 1-1-1955 nhân dân Hà Nội mừng đón Bác Hồ, Đảng, Chính phủ về lại thủ đô. Trong không khí ngồn ngộn trăm việc để phục hồi kinh tế sau chiến tranh; năm 1956 nhà nước thành lập Vụ Bảo tồn Bảo tàng. Công việc hàng đầu tập thể của Vụ Bảo tồn Bảo tàng mới thành lập là sau một năm (1957) đã tập trung trí tuệ trong, ngoài ngành soạn thảo và đã kịp trình Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký, ban hành Nghị định 519/TTg ngày 29/10/1957. Các tỉnh thành phố trên miền Bắc tiến hành kiểm kê phổ thông các di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh. Mặc dù ngân sách Nhà nước sau 9 năm kháng chiến rất khó khăn, nhưng đến 1964, trước khi đế quốc Mỹ ném bom miền Bắc, với Nghị định 519/TTg, chúng ta đã bảo vệ được những di tích quan trọng nhất của đất nước như Đền Hùng, Cổ Loa, Văn Miếu, Đình Tây Đằng, Bãi cọc Bạch Đằng v.v..., xây dựng được hệ thống bảo tàng đầu tiên của đất nước độc lập, tự chủ: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Quân đội, Bảo tàng Hải Phòng, Bảo tàng Việt Bắc và nhiều bảo tàng khác ở cơ sở, đặc biệt là Bảo tàng Vĩnh Linh, bên Khu giới tuyến tạm thời hai miền Bắc - Nam.

Giở lại những trang sổ tay công tác thời kỳ 1960 - 1964 chúng tôi thấy rõ vai trò của Vụ trưởng Đặng Xuân Thiều với Tập san Quản lý văn vật. Vào thời kỳ này, miền Bắc nước ta còn rất ít các loại tạp chí. Bộ Văn hoá cũng chỉ có một cơ quan ngôn luận là Tạp san Văn hoá, cho nên Tập san Quản lý văn vật chỉ được in ronéo và đến thập niên 1980 mới in typô. Lớp trẻ chúng tôi lúc đó được phân công đi công

tác các tỉnh đều được Vụ trưởng Đặng Xuân Thiều giao nhiệm vụ hỏi các cán bộ bảo tồn bảo tàng các tỉnh về tác dụng của Tập san Quản lý văn vật và về báo cáo các ý kiến của địa phương trực tiếp với Vụ trưởng. Sau đó Vụ trưởng hội ý điều chỉnh trong các số tiếp. Tập san Quản lý văn vật lúc đầu ra 3 tháng một số. Bài vở tập trung vào 4 lĩnh vực chính của ngành ta thời kỳ đó: Một là thực hiện Nghị định 519/TTg của Thủ tướng Chính phủ bảo vệ di tích, điều tra, kiểm kê phổ thông di tích. Hai là công tác sưu tầm, xây dựng kho hiện vật gốc, phong trào xây dựng bảo tàng xã và đem các hiện vật gốc lịch sử - cách mạng trưng bày phục vụ nhiệm vụ phục hồi nền kinh tế quốc dân ở miền Bắc; phục vụ sẵn sàng chiến đấu và đấu tranh giải phóng miền Nam giành thống nhất đất nước. Ba là lý luận và kinh nghiệm công tác bảo tồn bảo tàng. Bốn là tổ chức xây dựng, hoạt động các bảo tàng lớn của đất nước. Sổ tay đi công tác các tỉnh của chúng tôi còn ghi lại được nhiều ý kiến của các cán bộ trong ngành. Đồng chí Khai, Trưởng Ty Văn hoá Vĩnh Linh ngày 19-10-1962 nhận xét: "Tập san Quản lý văn vật là tài liệu tốt, giúp ích nhiều. Nhưng giúp Sở, Ty Văn hoá thì vừa, phổ cập thì cao. Tập san cần chú ý hướng dẫn nghiệp vụ bảo tồn bảo tàng là chính. Cần hướng dẫn những nét điển hình về kiến trúc các thời đại Việt Nam kèm theo hình vẽ, đưa dần dần trong các số; kinh nghiệm phát hiện khảo cổ; kinh nghiệm sưu tầm văn vật, nhất là các văn vật thời kỳ Cần Vương và thời kỳ 1930 - 1931; vấn đề quản lý cổ vật v.v... Nên có trong tập san mục "Từ điển văn vật". Ngày 17-10-1962 Trưởng Phòng Bảo tồn Bảo tàng Ty Văn hoá Vĩnh Linh cho rằng "Tập san Quản lý văn vật rất có ích với cán bộ nghiệp vụ bảo tồn bảo tàng tỉnh

chúng tôi, nhưng bài viết còn dài, chưa nổi vấn đề. Chúng tôi đang cần những kiến thức về phát triển, nuôi dưỡng bảo tàng xã như thế nào để vận dụng vào sản xuất và xây dựng CNXH”. Ngày 12/12/1962, đồng chí Phạm Đức Đại trong ban lãnh đạo Viện Bảo tàng Quân đội cho rằng thông qua Tạp san Quản lý văn vật, Vụ Bảo tồn Bảo tàng đã chủ động trao đổi với các cán bộ trong ngành về nghiệp vụ. Đồng chí Chiêu, lãnh đạo Ty Văn hoá tỉnh Sơn Tây ngày 14/12/1962 nói “Tạp san quản lý văn vật giúp được về nghiệp vụ và tài liệu nghiên cứu, nhất là Bảng Niên biểu; nhiều bài còn dài, nên dành cho kinh nghiệm các nơi, nhất là về khoanh vùng bảo vệ di tích, bảo tàng xí nghiệp, bảo tàng học đường; cần phân tích về đình chùa đền miếu, những bước kiểm kê; làm hồ sơ khoa học. Nhiều cán bộ bảo tồn bảo tàng các tỉnh còn cho rằng tạp san nên thêm chuyện vui, ca dao, thơ văn về nhân dân làm công tác bảo tồn bảo tàng v.v...

Từ đầu năm đến đầu quý 3 - 1962, Tạp san Quản lý văn vật ra được ba số. Vụ trưởng trực tiếp phân công các Phòng bảo tồn, phòng bảo tàng, phòng tuyên truyền viết bài cho tạp san. Đến ngày 24/11/1962 chuẩn bị đề cương cho số 4 mới thành lập Ban biên tập Tạp san Quản lý văn vật gồm các đồng chí Đặng Xuân Thiều, Vụ trưởng - Trưởng ban; Trần đức Giếm, Trần Liên, cụ Lê Thuộc (chuyên gia về bảo tồn, tu sửa di tích), Nguyễn Văn Lộc (chuyên gia về tuyên truyền), Hoàng Hưng, Nguyễn Viết Thành (chuyên gia về bảo tàng), Nguyễn Văn Kính (chuyên gia về khảo cổ); còn chúng tôi chỉ là nhân viên giúp việc, chạy bài, viết bài... Mỗi số in ronéo 200 cuốn phát hành đến các Sở, Ty Văn hoá toàn miền Bắc. Trong cuộc họp

lãnh đạo Vụ ngày 24-11-1962, Vụ trưởng Đặng Xuân Thiều, Trưởng Ban biên tập Tạp san Quản lý văn vật rút kinh nghiệm 3 số đã ra và đề ra nhiệm vụ: Tạp san Quản lý văn vật cần chú ý nhiều về lý luận bảo tồn bảo tàng; cần có hình vẽ kiến trúc cổ nước ta. Ngoài ra, Ban biên tập Tạp san còn có trách nhiệm tổ chức dịch, xuất bản cuốn “Cơ sở bảo tàng học Xô Viết”; giới thiệu di tích, danh thắng trên các ga, toa tàu của Tổng cục Đường sắt; liên hệ với Bộ Giáo dục viết văn vần giới thiệu di tích danh thắng cho học sinh cấp 1 và trên bìah vở học sinh; viết bài giới thiệu di chỉ Văn Điển, Hà Nội; Thập đồng Đào Thịnh, Yên Bái... mới phát hiện để đăng báo hình ảnh Việt Nam; cần vẽ tờ áp phích lớn giới thiệu di tích, danh thắng, văn vật lịch sử, cách mạng bằng hình vẽ, ảnh chụp đẹp, dễ hiểu, có văn vần để phát hành đến từng làng, xã. Tất cả những nhiệm vụ ấy đã được thực hiện đầy đủ. Tờ áp phích lớn ấy ngày nay vẫn còn thấy treo ở một vài đình, đền trên miền Bắc.

Thấm thoát đã 40 năm trôi qua từ ngày Tạp san Quản lý văn vật ra số đầu. Vào thập niên 1960 ta thường gọi di sản văn hoá bằng khái niệm văn vật, cho nên tên Tạp san là Quản lý văn vật. Đồng chí Đặng Xuân Thiều đã nói khá hay về nhận



thức đặc điểm văn vật Việt Nam: “Sự cấu tạo văn vật trên lãnh thổ Việt Nam có quan hệ đến thiên nhiên và xã hội nước ta. Văn vật phản ánh đời sống vật chất và tinh thần người Việt Nam trên cơ sở thiên nhiên và xã hội Việt Nam. Con người Việt Nam muốn sống phải dùng tre nứa, gỗ sần nhà, dùng đất sét làm đồ dùng và dùng cây dó làm giấy, dùng đồ đồng, đồ sắt... Cuộc sống thật muôn hình muôn vẻ. Đó là văn vật. Qua văn vật ta thấy được phương thức lao động, lịch sử, kinh tế, đời sống xã hội, khoa học, nghệ thuật của cư dân ta trong một phạm vi lãnh thổ, một địa bàn cư trú khác nhau. Nó cũng diễn ra trong sự tiếp xúc với các nền văn minh khác. Văn vật Việt Nam giao lưu, chịu ảnh hưởng lâu đời của văn hoá Ấn - Trung, nhưng không phải là hiện tượng bắt chước nguyên si, dập khuôn, mà mang đầy tính sáng tạo riêng của ta. Nó mang tính kế thừa, tính phổ biến, tính đa dạng, hoàn chỉnh dần qua các thời đại và được mọi người cùng công nhận như dáng một mái đình, một cách làm nhà, ẩm thực... nên còn có tính hệ thống nữa. Cho nên không phải chỉ giữ một hiện vật, một di tích thời Trần, thời Lê... mà phải giữ lại cả một hệ thống kiến trúc, di vật của một thời đại mới đủ. Văn vật Việt Nam mang tính bản địa, đặc sắc và tính địa phương rõ rệt. Gốm Bát Tràng, linh Bưởi, linh Sài Gòn, đồ bạc Đồng Sâm, đồ thêu, đồ khảm... đều mang tính độc đáo địa phương, nhưng vẫn mang tính chung của nền văn hoá Việt Nam”.

Những năm đầu thập kỷ 1960, rất thiếu tài liệu về chuyên môn, chúng tôi ghi lại đầy đủ những nhận thức, lý luận rất mạch lạc ấy của Vụ trưởng Đặng Xuân Thiều và đó chính là những tri thức ban đầu khai tâm cho lớp trẻ chúng tôi mới vào nghề về lòng yêu nước, yêu văn vật

Việt Nam, yêu nghề bảo tồn bảo tàng cho đến ngày nay. Dù gian khổ, thiếu ăn, thiếu mặc, đi xe đạp, đi bộ, ngủ đêm ở các bến xe đầy rệp, muỗi để lần lần vào Đồ Lèn, vào Quảng Bình, vào khu giới tuyến quân sự Vĩnh Linh để đặt bài, lắng nghe các cán bộ bảo tồn bảo tàng lớp tiên khu như anh Quán ở Nam Định, anh Dũng ở Ninh Bình, anh Kha ở Quảng Ninh, anh Tuỳ ở Phú Thọ... nói về những yêu cầu với Tạp san Quản lý văn vật. Một thời thật hào hùng, cao cả của ngành bảo tồn bảo tàng còn non trẻ của chúng ta lúc đó, mà chúng tôi như những con ong say sưa đem sức trẻ góp phần nhỏ bé vào sự nghiệp bảo vệ, phát huy văn vật của đất nước.

2- Đối với nước ta, bảo tồn bảo tàng là một ngành khoa học còn khá trẻ. Ngày nay đã có Tạp chí Di sản Văn hoá. Vàng, Tạp chí chứ không chỉ là Tạp san, làm chỗ dựa để trao đổi, phổ biến tri thức trong ngành và mọi người yêu quý di sản văn hoá dân tộc. Biết bao vấn đề khoa học đang đặt ra trước mắt chúng ta, cần được trao đổi để từng bước đi đến thống nhất thành quan điểm chuyên môn, thành lý luận bảo tàng học Việt Nam. Vàng, chính của bảo tàng học Việt Nam, chứ không chỉ là sử dụng nguyên si lý luận bảo tàng của các nước khác. Tất nhiên, chúng ta rất trân trọng nghiên cứu, tìm hiểu lý luận bảo tàng của các nước, nhất là của các nước Châu Âu, Bắc Mỹ, Nga, Nhật Bản v.v... là những nước đã đi trước ta vài thế kỷ trong sự nghiệp bảo tàng, di tích. Lý luận bảo tàng học các nước trước tiên phù hợp thực tiễn tự nhiên, xã hội, nhất là tín ngưỡng, tôn giáo của các nước bạn. Nói như thế không có nghĩa là không có cái chung giữa các dân tộc về văn hoá. Cái chung của nhân loại từ xưa đến nay là dù ở phương trời góc bể nào cũng phải chăm

lo cuộc sống, ăn mặc, ở, đi lại, học hành của một cộng đồng trong một môi trường thiên nhiên cụ thể cộng với các quan niệm tín ngưỡng, tôn giáo... Từ môi trường sống và cách sống đó tạo nên bản sắc văn hoá, tạo nên văn vật, di sản văn hoá của mỗi dân tộc. Trên nền tảng văn hoá bản địa, mỗi dân tộc lại giao lưu, tiếp nhận thêm những sắc thái văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng của các cộng đồng khác, làm phong phú thêm cho nền văn hoá của cộng đồng mình. Hiện tượng đó là sự tiếp biến, sự hỗn dung văn hoá (acculturation). Quy luật muôn đời của cuộc sống là như vậy! Vấn đề đặt ra cho giới bảo tàng học nước ta là từng bước, thông qua tạp chí di sản văn hoá xây dựng hệ thống lý luận bảo tàng học Việt Nam, là xây dựng lý luận bảo vệ, phát huy kho tàng di sản văn hoá vật thể và phi vật thể Việt Nam với tất cả tính phổ biến và tính đặc thù của nó. Và như con ong chăm chỉ, ta năng hút mật ngọt từ lý luận, thực tiễn bảo tàng học của các nước bạn bè để làm phong phú thêm cho lý luận bảo tàng học Việt Nam.

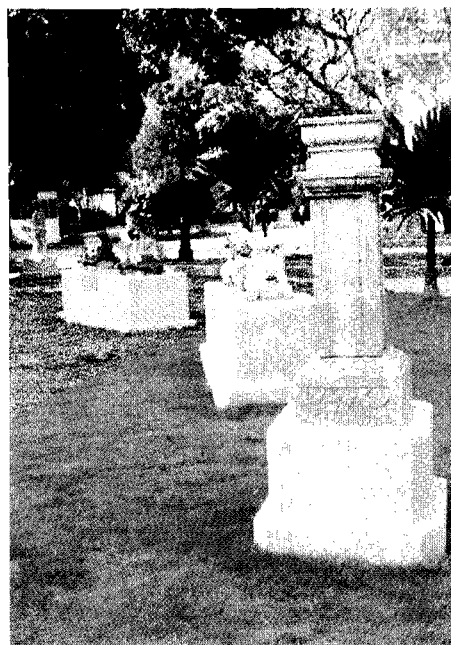
Chúng ta đã bước vào những năm đầu của thế kỷ XXI. Đại hội Đảng 9 đã xác định đường lối chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phấn đấu đến 2020 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trên thế giới, nền văn minh trí tuệ, công nghệ thông tin, đang trở thành một xu thế tất yếu, với tất cả những cơ may và rủi ro, triển vọng và thách thức. Nhưng không thể khác được, chủ động hội nhập vào đời sống quốc tế để khôn lên, cạnh tranh phát triển bằng người; còn khép kín là đồng hành với biệt lập, nghèo đói, lạc hậu. Và trong đổi mới, ngành bảo tồn bảo tàng nước ta cũng đang mạnh mẽ hội nhập với ngành bảo tàng học

thế giới và các nước ASEAN láng giềng.

Ngành Bảo tồn Bảo tàng chịu trách nhiệm trước đất nước toàn bộ kho tàng di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam là một thế mạnh có chiều sâu hiếm có để giáo dục truyền thống, xây dựng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và để “chơi” với bạn bè trong toàn cầu hoá. Nghiên cứu bảo vệ và phát huy kho tàng di sản văn hoá theo hướng tiếp cận công nghệ thông tin là hướng phát triển tất yếu của ngành ta để trao đổi, giao lưu trong nước và quốc tế.

Xin chân thành chúc mừng sự ra đời của Tạp chí Di sản văn hoá. Kế tục sự nghiệp của Tạp san Quản lý văn vật, chúng ta đặt nhiều hy vọng vào Tạp chí Di sản Văn hoá sẽ là cầu nối sinh động giữa các nhà bảo tàng học Việt Nam, quốc tế và mọi người yêu di sản văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

P.K



Một góc phần trung bày ngoài trời
Bảo tàng Lịch sử Việt Nam
Ảnh: Hải Ninh